

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/08/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diễm Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Vinh Hiền

2. Bà Đặng Thị Hoàng

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Long – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 08 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 139/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà T T T N, sinh năm 1990 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 49/5 Tổ 7, khu phố 4, thị trấn N, huyện N, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông C L H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 06/5/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T T T N trình bày:

Bà và ông H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn 109 ngày 24/12/2021. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là tính tình, quan điểm sống không hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Bà và ông H đã ly thân, nay thấy không còn tình cảm, không tiếp tục sống chung được nữa nên bà xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 01 con chung là Châu Trần A, sinh ngày 25/01/2022. Hiện nay bà N đang trực tiếp nuôi con nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông C L H đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông H không đến Tòa án và không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của bà N.

Tại phiên tòa, bà T T T N có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông C L H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cần Giò, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Cần Giò, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 170, Điều 171, Điều 173, Điều 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng trình tự, thủ tục nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Theo trình bày của bà N như trên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ, tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông H không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà N. Điều đó cho thấy, ông H đã không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, có ý thức bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này. Nhận thấy cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể dung hòa, hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu được ly hôn của bà N là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng năm 2015; Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của bà N. Về con chung: có 01 con chung do hiện nay bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng, xét không cần thiết thay đổi người trực tiếp nuôi con nên tiếp tục giao con 01 con chung là Châu Trần An Nhiên, sinh ngày 25/01/2022 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi

con. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà T T T N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông C L H Ông H có nơi cư trú tại ấp An Nghĩa, xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Xét Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông H để tham gia tố tụng nhưng ông H vẫn cố tình vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên vụ án không tiến hành hòa giải được; ông H cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét bà N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào lời khai của bà N và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận: Bà N và ông H có đăng ký kết hôn và có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chung sống với nhau không hạnh phúc nên giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bà N và ông H đã ly thân.

Xét thấy bà N và H đã không còn chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Bản thân ông H không đến Tòa án cũng đã thể hiện ông H không còn tha thiết với cuộc sống chung vợ chồng, bỏ mặc mối quan hệ tình cảm không mong muốn cứu vãn hạnh phúc để hàn gắn, đoàn tụ với bà N. Từ đó, xác định tình trạng mâu thuẫn giữa bà N và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận theo qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Có 01 con chung là Châu Trần A, sinh ngày 25/01/2022. Xét thấy hiện nay trẻ Nhiên dưới 36 tháng tuổi và đang sống cùng bà N. Vì vậy, để ổn

định cuộc sống cho con nên cần giao cháu Nhiên cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N pH nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ vào các điều 2, 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của T T T N:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà T T T N được ly hôn với bà ông C L H (Giấy chứng nhận kết hôn 109 ngày 24/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý).

2. Về con chung: Giao trẻ Châu Trần A, sinh ngày 25/01/2022 cho bà T T T N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông C L H được quyền thăm nom con và pH có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích con trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà T T T N pH nộp án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0045704 ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ. Bà N đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người pH thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Vinh Hiển Đặng Thị Hoàng

Lê Thị Diễm Châu